

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)  
Công ty Thành viên của Reanda International  
Địa chỉ đăng ký: 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, HCM.  
Trụ sở văn phòng tại Tp.HCM: 156 – 158 Phố Quang, phường 9, Phú Nhuận.  
Tel: +84 (8) 3 999 00 91~97 | Fax: + 84 (8) 3999 00 90  
Email: [info@vietvalues.com](mailto:info@vietvalues.com) | Website: [www.vietvalues.com](http://www.vietvalues.com)



*Mang tri thức phục vụ khách hàng*

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015*

### **CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM CHOLIMEX**

**R** REANDA

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt  
(**VIETVALUES**)  
Công ty Thành viên của Reanda International

## MỤC LỤC

<b>Nội dung</b>	<b>Trang</b>
1. Báo cáo của Hội đồng quản trị	02 - 04
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	05 - 06
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	07 - 08
4. Báo cáo Kết quả kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	09
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	10
6. Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	11 - 38

---



## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

### 1. Khái quát chung về công ty

Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex là Công ty cổ phần được chuyển thể từ Doanh nghiệp Nhà nước: Xí nghiệp Chế biến Hải sản và Thực phẩm xuất khẩu, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 314095 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 15 tháng 01 năm 2001. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu tiên số 4103005042 ngày 19 tháng 07 năm 2006 và đăng ký thay đổi lần 02 ngày 02 tháng 06 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ: : 81.000.000.000 đồng.

### 2. Trụ sở chính hoạt động

Địa chỉ : Đường số 07, KCN Vĩnh Lộc, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh.  
Điện thoại : +84 (8) 37 653 389 - 37 653 390  
Fax : +84 (8) 37 653 025  
MST : 0304 475 742

### 3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất, chế biến, gia công và mua bán thực phẩm, suất ăn công nghiệp, thực phẩm đông lạnh, thủy sản các loại, nuôi trồng thủy hải sản;
- Mua bán các loại giống, các loại vật tư, thiết bị để nuôi trồng thủy hải sản;
- Mua bán thức ăn gia súc, đồ dùng cá nhân và gia đình, hàng gia dụng, hàng điện náy;
- Dịch vụ kê khai hải quan, dịch vụ môi giới vận tải, giao nhận kho hàng hóa nhập khẩu;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa, cho thuê kho bãi, dịch vụ vận chuyển hàng hóa.

### 4. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Điều hành

#### 4.1. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Bà Nguyễn Thị Thoa	Chủ tịch
Ông Huỳnh An Trung	Phó Chủ tịch
Ông Dương Văn Hùng	Thành viên
Ông Masamichi Muto	Thành viên
Ông Diệp Nam Hải	Thành viên
Bà Cao Huyền Trang	Thành viên
Bà Giao Thị Yến	Thành viên

Miễn nhiệm ngày 23/4/2015

#### 4.2. Ban kiểm soát

Ban kiểm soát của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	
Bà Đặng Thị Hồng Ngọc	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 23/4/2015
Bà Lê Ngọc Phượng	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 23/4/2015
Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy	Thành viên	
Ông Nguyễn Hoàng Lam	Thành viên	

#### 4.3. Ban Điều hành

Ban Điều hành của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Dương Văn Hùng	Tổng Giám đốc
Bà Hồ Ngọc Hương	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Huyền Trang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Diệp Nam Hải	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc	Kế toán trưởng

#### 5. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 07 đến trang 38.

#### 6. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Theo ý kiến của Hội đồng quản trị, Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc năm tài chính cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

#### 7. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

#### 8. Xác nhận của Hội đồng quản trị

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Điều hành đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;

- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Điều hành đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập các Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và các Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Ban Điều hành Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

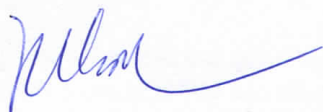
Vào ngày lập báo cáo này, các thành viên Hội đồng quản trị cho rằng không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên Báo cáo tài chính của Công ty. Không một thành viên nào của Hội đồng quản trị hoặc Ban Điều hành có bất cứ khoản lợi nào từ một hợp đồng được ký kết với các công ty hay các bên liên quan.

## **9. Phê duyệt các Báo cáo tài chính**

Chúng tôi, các thành viên của Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt các Báo cáo tài chính kèm theo. Các báo cáo này đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2016.*

**TM. Hội đồng quản trị**



---

**NGUYỄN THỊ THOA**  
Chủ tịch Hội đồng quản trị



Số: 2138/16/BCKT/AUD-VVALUES

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH  
CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM CHOLIMEX**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được lập ngày 23 tháng 03 năm 2016 (từ trang 07 đến trang 38) của Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex (sau đây gọi tắt là “Công ty”).

### **Trách nhiệm của Ban Điều hành**

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2016.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)



**Đỗ Thị Hương – Phó Tổng Giám đốc**  
Giấy CNDKHN số: 0967-2013-071-1  
Chữ ký được ủy quyền

**Nơi nhận:**

- Như trên.
- Lưu **VIETVALUES**.

**Ths. Huỳnh Trúc Lâm - Kiểm toán viên**  
Giấy CNDKHN số: 1523-2013-071-1



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

ĐVT: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
1	2	3	4	5
100	<b>A- TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>315.333.193.993</b>	<b>254.469.707.674</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	V.1	<b>48.565.974.374</b>	<b>48.869.713.673</b>
111	1. Tiền		48.235.974.374	21.539.713.673
112	2. Các khoản tương đương tiền		330.000.000	27.330.000.000
120	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	V.2	<b>1.455.442.200</b>	<b>2.231.933.600</b>
121	1. Chứng khoán kinh doanh		8.232.526.618	8.320.000.000
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(6.777.084.418)	(6.155.066.400)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	67.000.000
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>118.175.533.862</b>	<b>78.257.616.115</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	97.707.753.062	74.258.495.366
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	16.661.075.408	1.523.611.076
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.5	4.194.224.066	2.804.596.308
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.6	(387.518.674)	(329.086.635)
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>		<b>146.053.831.725</b>	<b>123.606.376.519</b>
141	1. Hàng tồn kho	V.7	146.053.831.725	123.606.376.519
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	-
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>1.082.411.832</b>	<b>1.504.067.767</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.8	-	627.186.170
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.14	1.082.411.832	876.881.597
200	<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>152.429.648.068</b>	<b>148.447.170.509</b>
210	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>-</b>	<b>108.957.000</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác		-	108.957.000
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>142.297.883.171</b>	<b>131.205.053.058</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.9	103.240.949.421	90.960.286.970
222	- Nguyên giá		169.932.099.575	146.681.626.719
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(66.691.150.154)	(55.721.339.749)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.10	39.056.933.750	40.244.766.088
228	- Nguyên giá		47.103.746.880	47.103.746.880
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(8.046.813.130)	(6.858.980.792)
230	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
240	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>4.066.254.431</b>	<b>12.406.137.243</b>
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		-	-
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.11	4.066.254.431	12.406.137.243
250	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
260	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>6.065.510.466</b>	<b>4.727.023.208</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.8	6.065.510.466	4.727.023.208
268	2. Tài sản dài hạn khác		-	-
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>467.762.842.061</b>	<b>402.916.878.183</b>



Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex

Địa chỉ: Đường số 07, KCN Vĩnh Lộc, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

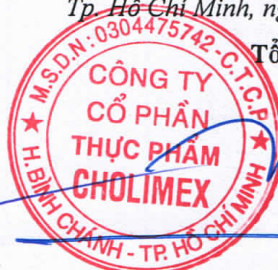
Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
1	2	3	4	5
300	<b>C- NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>243.676.218.644</b>	<b>199.633.997.848</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>243.676.218.644</b>	<b>199.633.997.848</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.12	105.425.111.846	70.122.274.258
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.13	4.568.167.516	1.966.293.676
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.14	6.282.464.421	9.236.324.264
314	4. Phải trả người lao động		16.258.817.023	8.077.875.553
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.15	899.145.036	53.699.000
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.16	10.984.720.666	11.012.070.284
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.17	105.963.000.000	105.917.187.060
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.18	(6.705.207.864)	(6.751.726.247)
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		-	-
400	<b>D- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>224.086.623.417</b>	<b>203.282.880.335</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	V.19	<b>224.086.623.417</b>	<b>203.282.880.335</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		81.000.000.000	81.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		81.000.000.000	81.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		38.500.000.000	38.500.000.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		58.500.037.453	43.868.487.921
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		46.086.585.964	39.914.392.414
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		-	39.914.392.414
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		46.086.585.964	-
430	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		-	-
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>467.762.842.061</b>	<b>402.916.878.183</b>

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2016.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Huỳnh Minh Đức

NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC

DƯƠNG VĂN HÙNG

Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex

Địa chỉ: Đường số 07, KCN Vĩnh Lộc, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

Kết quả hoạt động kinh doanh

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

ĐVT: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	1.327.412.943.279	1.065.138.729.121
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.1	58.884.267.624	47.708.007.065
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.268.528.675.655	1.017.430.722.056
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	948.349.388.884	779.613.718.575
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		320.179.286.771	237.817.003.481
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	2.544.609.930	1.838.941.693
22	7. Chi phí tài chính	VI.4	7.684.174.083	5.404.150.503
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		4.501.699.947	4.568.337.518
25	8. Chi phí bán hàng	VI.5	186.274.414.852	134.905.156.165
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.6	68.264.072.040	48.569.682.385
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		60.501.235.726	50.776.956.121
31	11. Thu nhập khác	VI.7	1.459.107.842	1.164.134.980
32	12. Chi phí khác	VI.8	1.952.247.362	1.172.611.193
40	13. Lợi nhuận khác		(493.139.520)	(8.476.213)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		60.008.096.206	50.768.479.908
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VI.9	13.705.565.741	10.182.087.494
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		46.302.530.465	40.586.392.414
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.10	4.425	3.874
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu		-	-

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2016.

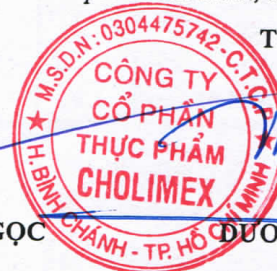
Người lập biểu

Huỳnh Minh Đức

Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC

Tổng Giám đốc



DƯƠNG VĂN HÙNG

Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex

Địa chỉ: Đường số 07, KCN Vĩnh Lộc, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

Kết quả hoạt động kinh doanh

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

ĐVT: VNĐ

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		1.216.230.800.291	982.996.490.594
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ		(971.451.210.926)	(733.476.618.499)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(115.110.620.014)	(104.245.945.986)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(4.464.096.614)	(4.533.839.773)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(14.896.923.874)	(10.339.035.864)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		51.444.398.678	54.981.708.146
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(132.642.939.673)	(147.193.443.727)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>29.109.407.868</b>	<b>38.189.314.891</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(17.257.929.637)	(14.280.850.230)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		77.090.909	12.000.000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(5.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	5.357.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		269.535.549	726.384.769
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(16.911.303.179)</b>	<b>(13.185.465.461)</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay		404.565.230.603	387.387.711.470
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(404.697.924.314)	(357.724.010.707)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(12.315.026.980)	(17.635.509.065)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>(12.447.720.691)</b>	<b>12.028.191.698</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>		<b>(249.616.002)</b>	<b>37.032.041.128</b>
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		48.869.713.673	11.465.235.266
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(54.123.297)	372.437.279
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)</b>	V.1	<b>48.565.974.374</b>	<b>48.869.713.673</b>

Người lập biểu

*Huỳnh Minh Đức*

Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2016.  
Tổng Giám đốc



DƯƠNG VĂN HÙNG

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Là công ty cổ phần.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất, chế biến, gia công và mua bán thực phẩm, suất ăn công nghiệp, thực phẩm đông lạnh, thủy sản các loại, nuôi trồng thủy hải sản;
- Mua bán các loại giống, các loại vật tư, thiết bị để nuôi trồng thủy hải sản;
- Mua bán thức ăn gia súc, đồ dùng cá nhân và gia đình, hàng gia dụng, hàng điện náy;
- Dịch vụ kê khai hải quan, dịch vụ môi giới vận tải, giao nhận kho hàng hóa nhập khẩu;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa, cho thuê kho bãi, dịch vụ vận chuyển hàng hóa.

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 5. Cấu trúc Công ty

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Cửa hàng trưng bày sản phẩm	Số 629B, đường Nguyễn Trãi, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

#### 6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh trình bày tại thuyết minh số IV.17 do vậy các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

#### 7. Tình hình lao động

Số lượng công nhân viên đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 1.319 người (số đầu năm là 1.119 người).

### II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 1. Năm tài chính

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính

2. **Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ được sử dụng để lập báo cáo là Đồng Việt Nam (VNĐ).

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

1. **Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Chúng tôi, Ban Điều hành Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

1. **Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. **Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển, vàng tiền tệ.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. **Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

3.a **Chứng khoán kinh doanh**

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Việc xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp tại ngày kết thúc năm tài chính thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

### 3.b Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tồn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tồn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

## 4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu ngắn hạn có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong một chu kỳ kinh doanh thông thường tại thời điểm lập báo cáo.

Các khoản phải thu dài hạn có kỳ hạn thu hồi còn lại trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh thông thường tại thời điểm lập báo cáo.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tồn thất có thể xảy ra. Công ty lập dự phòng theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2009/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013, cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.

- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

#### 5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang và thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế trên 12 tháng hoặc vượt quá một chu kỳ kinh doanh thông thường được trình bày là chi phí sản xuất, kinh doanh dài hạn và thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung đang sản xuất tại xưởng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### 6. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước ngắn hạn là số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước.

Chi phí trả trước dài hạn là số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước.

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

### **Công cụ, dụng cụ**

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

### **7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính:

- |                            |             |
|----------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc   | 07 - 50 năm |
| - Máy móc, thiết bị        | 06 - 07 năm |
| - Phương tiện vận tải      | 06 - 08 năm |
| - Thiết bị dụng cụ quản lý | 05 - 08 năm |

### **8. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty:

#### **Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất (45 năm), quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.

#### **Nhãn hiệu hàng hóa**

Là chi phí đăng ký nhãn hiệu Cholimex và logo, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian là 20 năm.

#### **Phần mềm máy vi tính**

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 10 - 15 năm.



## 9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

## 10. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Nợ phải trả ngắn hạn là khoản nợ còn phải trả có thời hạn thanh toán còn lại không quá 12 tháng hoặc dưới một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường tại thời điểm báo cáo.

Nợ phải trả dài hạn là khoản nợ còn phải trả có thời hạn thanh toán còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường tại thời điểm báo cáo.

Việc phân loại các khoản phải trả là vay và nợ thuê tài chính, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Vay và nợ thuê tài chính phản ánh các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính và tình hình thanh toán các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính;
- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty;
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước;
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

## 11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

### Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

### Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

### Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

## 12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

### ▪ Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### ▪ Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

## 13. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào tổng doanh thu trong năm bao gồm các khoản chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại.

## 14. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn hàng bán.

## 15. Nguyên tắc kế toán doanh thu và chi phí hoạt động tài chính

### ▪ Doanh thu hoạt động tài chính

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

### ▪ Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí lãi vay.

Chi phí tài chính ghi nhận theo số phát sinh trong kỳ, không có bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**16. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

**17. Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

Đối với các khoản phải thu khách hàng có gốc ngoại tệ là: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam là ngân hàng chi định thanh toán.

Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là nợ vay: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam là ngân hàng thường xuyên có giao dịch.

**18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

**Thuế thu nhập hiện hành**

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

**Thuế thu nhập hoãn lại**

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết

quả hoạt động kinh doanh và chi ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - + Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - + Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### **19. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**20. Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới**

Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới đến số liệu so sánh trong Báo cáo tài chính như sau:

	<u>Số dư tại 31/12/2014</u>	<u>Các điều chỉnh</u>	<u>Trình bày lại tại ngày 01/01/2015</u>
<b>Tài sản</b>			
Đầu tư ngắn hạn	8.387.000.000	(8.387.000.000)	-
Chứng khoán kinh doanh	-	8.320.000.000	8.320.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	67.000.000	67.000.000
Các khoản phải thu khác	131.299.000	(131.299.000)	-
Phải thu ngắn hạn khác	-	2.804.596.308	2.804.596.308
Tài sản ngắn hạn khác	2.673.297.308	(2.673.297.308)	-
Phải thu dài hạn khác	-	108.957.000	108.957.000
Tài sản dài hạn khác	108.957.000	(108.957.000)	-
	<b>11.300.553.308</b>	<b>-</b>	<b>11.300.553.308</b>
<b>Nguồn vốn</b>			
Quỹ đầu tư phát triển	35.526.143.438	8.342.344.483	43.868.487.921
Quỹ dự phòng tài chính	8.342.344.483	(8.342.344.483)	-
	<b>43.868.487.921</b>	<b>-</b>	<b>43.868.487.921</b>
<b>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</b>			<b>Số năm trước trình bày lại<sup>(*)</sup></b>
	<u>Số năm trước</u>	<u>Các điều chỉnh</u>	
Thu nhập khác	1.641.762.040	(477.627.060)	1.164.134.980
Chi phí khác	1.650.238.253	(477.627.060)	1.172.611.193
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.011	(1.137)	3.874

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐVT: VNĐ)**

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
- Tiền mặt	19.394.620	115.954.650
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	48.216.579.754	21.423.759.023
- Các khoản tương đương tiền	330.000.000	27.330.000.000
	<b>48.565.974.374</b>	<b>48.869.713.673</b>

## 2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty là chứng khoán kinh doanh. Chi tiết như sau:

### Chứng khoán kinh doanh

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý <sup>(*)</sup>	Giá gốc	Giá trị hợp lý <sup>(*)</sup>
Cổ phiếu	8.232.526.618	1.455.442.200	8.320.000.000	2.164.933.600
	<b>8.232.526.618</b>	<b>1.455.442.200</b>	<b>8.320.000.000</b>	<b>2.164.933.600</b>
				Dự phòng
				(6.155.066.400)
				<b>(6.155.066.400)</b>

(\*): Giá trị hợp lý là giá trị thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 của các cổ phiếu được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<b>97.707.753.062</b>	<b>74.258.495.366</b>
- Tonkin Products Limited	54.671.456.027	29.560.880.026
- Khách hàng khác	43.036.297.035	44.697.615.340
	<b>97.707.753.062</b>	<b>74.258.495.366</b>

**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước cho các khách hàng khác</i>	<b>16.661.075.408</b>	<b>1.523.611.076</b>
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng số 5	10.777.454.215	-
- Khách hàng khác	5.883.621.193	1.523.611.076
	<b>16.661.075.408</b>	<b>1.523.611.076</b>

**5. Phải thu khác**

*Phải thu ngắn hạn khác*

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<b>4.194.224.066</b>	<b>2.804.596.308</b>
- Tạm ứng	3.350.453.308	2.673.297.308
- Phải thu khác	843.770.758	131.299.000
	<b>4.194.224.066</b>	<b>2.804.596.308</b>

**6. Nợ xấu**

	<u>Cuối năm</u>		<u>Đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi<sup>(*)</sup></u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi<sup>(*)</sup></u>
Quá hạn từ 06 tháng – 01 năm	-	-	-	-
Quá hạn từ 01 năm – 02 năm	-	-	7.026.977	3.513.488
Quá hạn từ 02 năm – 03 năm	7.026.977	2.108.092	190.088.813	57.026.643
Quá hạn trên 03 năm	382.599.789	-	192.510.976	-
- Công ty TNHH Thực phẩm Thủy sản Minh Đức	106.979.482	-	-	-
- Huỳnh Thị Ngọc Lan	83.109.331	-	62.478.192	-
- Huỳnh Thị Kim Loan	62.478.192	-	-	-
- Các đối tượng các	130.032.784	-	130.032.784	-
	<b>389.626.766</b>	<b>2.108.092</b>	<b>389.626.766</b>	<b>60.540.131</b>

<sup>(\*)</sup>Giá trị có thể thu hồi được xác định bằng giá gốc trừ đi khoản trích lập dự phòng.

**Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:**

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	329.086.635	252.695.172
Trích lập trong năm	58.432.039	76.391.463
Số hoàn nhập trong năm	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>387.518.674</b>	<b>329.086.635</b>

**Chi tiết dự phòng phải thu khó đòi theo đối tượng:**

	Cuối năm	Đầu năm
Công ty TNHH Thực phẩm Thủy sản Minh Đức	106.979.482	74.885.638
Huỳnh Thị Ngọc Lan	83.109.331	58.176.532
Huỳnh Thị Kim Loan	62.478.192	62.478.192
Đối tượng khác	134.951.669	133.546.273
	<b>387.518.674</b>	<b>329.086.635</b>

**7. Hàng tồn kho**

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	51.232.820.303	-	41.895.218.108	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	1.596.578.422	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	84.056.797	-	135.022.756	-
Thành phẩm	80.593.398.053	-	71.341.273.120	-
Hàng hóa	14.143.556.572	-	8.632.890.673	-
Hàng gửi đi bán	-	-	5.393.440	-
	<b>146.053.831.725</b>	<b>-</b>	<b>123.606.376.519</b>	<b>-</b>

**Nguyên liệu, vật liệu**

Chủ yếu là nguyên liệu chính (ớt sừng, bột cà chua,...), bao bì và phụ liệu của xưởng chế biến thành phẩm.

**Thành phẩm**

Chủ yếu là thành phẩm của xưởng chế biến hải sản, thành phẩm nước chấm,...

**8. Chi phí trả trước**

**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Cuối năm	Đầu năm
- Giá trị công cụ dụng cụ đang sử dụng	-	627.186.170
	<b>-</b>	<b>627.186.170</b>

Quyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính



**Tình hình biến động chi phí trả trước ngắn hạn như sau:**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	627.186.170	8.284.579.195
Phát sinh trong năm	1.338.947.111	2.989.230.632
Phân bổ trong năm	(1.966.133.281)	(10.646.623.657)
<b>Số cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>627.186.170</b>

**8b. Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
- Công cụ dụng cụ	6.065.510.467	4.727.023.208
	<b>6.065.510.467</b>	<b>4.727.023.208</b>

**Tình hình biến động chi phí trả trước dài hạn như sau:**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	4.727.023.208	4.223.866.441
Phát sinh trong năm	8.119.576.521	6.572.593.443
Phân bổ trong năm	(6.781.089.262)	(6.069.436.676)
<b>Số cuối năm</b>	<b>6.065.510.467</b>	<b>4.727.023.208</b>

Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex  
 Địa chỉ: Đường số 07, KCN Fitch Lạc, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh  
 Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**9. Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản khác	Tổng cộng
Số đầu năm	49.111.123.206	88.677.637.121	5.963.671.512	1.019.149.668	1.910.045.212	146.681.626.719
Tăng trong năm	13.874.338.782	9.973.087.875	292.661.818	-	-	24.140.088.475
Giảm trong năm	-	(889.615.619)	-	-	-	(889.615.619)
<b>Số cuối năm</b>	<b>62.985.461.988</b>	<b>97.761.109.377</b>	<b>6.256.333.330</b>	<b>1.019.149.668</b>	<b>1.910.045.212</b>	<b>169.932.099.575</b>
Nguyên giá tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.932.386.854	4.243.040.537	123.601.467	233.237.654	360.416.150	6.892.682.662
<b>Giá trị hao mòn</b>						
Số đầu năm	18.613.689.203	33.980.542.328	2.072.887.481	403.635.138	650.585.599	55.721.339.749
Tăng trong năm	3.837.100.497	6.828.124.924	418.538.312	57.200.284	97.703.671	11.238.667.689
Khấu hao trong năm	3.837.100.497	6.828.124.924	418.538.312	57.200.284	97.703.671	11.238.667.689
Giảm trong năm	-	(268.857.284)	-	-	-	(268.857.284)
<b>Số cuối năm</b>	<b>22.450.789.700</b>	<b>40.539.809.968</b>	<b>2.491.425.793</b>	<b>460.835.422</b>	<b>748.289.271</b>	<b>66.691.150.154</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày đầu năm	30.497.434.003	54.697.094.793	3.890.784.031	615.514.530	1.259.459.612	90.960.286.970
Tại ngày cuối năm	40.534.672.288	57.221.294.409	3.764.907.537	558.314.246	1.161.755.941	103.240.949.421

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính

Công ty Cổ phần Thực phẩm Chollimex  
 Địa chỉ: Đường số 07, KCN Vĩnh Lộc, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh  
 Thay thế minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**10. Tài sản cố định vô hình**

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm máy vi tính	Tài sản khác	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>					
1. Số đầu năm	43.303.074.027	3.256.700.000	493.208.000	50.764.853	47.103.746.880
2. Tăng trong năm	-	-	-	-	-
3. Giảm trong năm	-	-	-	-	-
4. Số cuối năm	43.303.074.027	3.256.700.000	493.208.000	50.764.853	47.103.746.880
<b>II. Giá trị hao mòn</b>					
1. Số đầu năm	5.851.669.191	866.778.332	122.259.552	18.273.717	6.858.980.792
2. Tăng trong năm	976.712.211	162.835.000	46.254.533	2.030.594	1.187.832.338
3. Giảm trong năm	-	-	-	-	-
4. Số cuối năm	6.828.381.402	1.029.613.332	168.514.085	20.304.311	8.046.813.130
<b>III. Giá trị còn lại</b>					
1. Tại ngày đầu năm	37.451.404.836	2.389.921.668	370.948.448	32.491.136	40.244.766.088
2. Tại ngày cuối năm	36.474.692.625	2.227.086.668	324.693.915	30.460.542	39.056.933.750

Quyền sử dụng đất với diện tích là 36.998m<sup>2</sup> tại lô đất số C40-43/II, C51 - 55/III, Khu Công Nghiệp Vĩnh Lộc, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh, thời gian sử dụng đến tháng 08 năm 2053.

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính

## 11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Đầu năm</u>	<u>Tăng trong năm</u>	<u>Kết chuyển tăng TSCĐ</u>	<u>Cuối năm</u>
Xưởng chế biến thực phẩm	4.937.150.412	148.072.000	5.085.222.412	-
Xưởng nước tương	2.239.113.053	-	2.239.113.053	-
Xưởng chế biến hải sản	2.052.494.406		2.052.494.406	-
Nâng cấp Văn phòng Công ty	1.010.265.500	-	1.010.265.500	-
Tổng kho	1.039.703.626	-	1.039.703.626	
Xưởng Sauce	489.894.544	2.034.081.300	-	2.523.975.844
Nâng cấp xưởng chế biến thành phẩm	-	650.936.000	-	650.936.000
Hệ thống xử lý nước thải	-	518.400.000	-	518.400.000
Các hạng mục khác	637.515.702	120.010.670	384.583.785	372.942.587
	<b><u>12.260.787.243</u></b>	<b><u>3.471.499.970</u></b>	<b><u>11.811.382.782</u></b>	<b><u>4.066.254.431</u></b>

## 12. Phải trả người bán

### 12a. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả người bán khác</i>	<b>105.425.111.846</b>	<b>70.122.274.258</b>
- DNTN Thiên Mã	20.863.157.000	10.435.498.920
- Người bán khác	84.561.954.846	59.686.775.338
	<b><u>105.425.111.846</u></b>	<b><u>70.122.274.258</u></b>

### 12b. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không phát sinh nợ quá hạn chưa thanh toán.

## 13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Là tiền khách hàng trả trước tiền.

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả người bán khác</i>	<b>4.568.167.516</b>	<b>1.966.293.676</b>
- Fresh Frozen Food AG	1.758.772.737	-
- Nichirei Food U.S.A.,Inc	1.040.765.387	488.870.460
- Người bán khác	1.768.629.392	1.477.423.216
	<b><u>4.568.167.516</u></b>	<b><u>1.966.293.676</u></b>

Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimax  
 Địa chỉ: Đường số 07, KCN Vĩnh Lộc, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh  
 Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Đầu năm		Số phát sinh trong năm		Cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế Giá trị gia tăng	4.242.553.396	-	17.609.608.251	19.926.301.216	1.925.860.431	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	-	56.208.925	-	56.208.925
Thuế nhập khẩu	-	876.881.597	1.199.234.579	1.348.555.889	-	1.026.202.907
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	4.237.302.993	-	13.705.565.741	14.896.923.874	3.045.944.860	-
Thuế Thu nhập cá nhân	756.467.875	-	1.293.726.144	739.534.889	1.310.659.130	-
Các loại thuế khác	-	-	5.500.000	5.500.000	-	-
	<b>9.236.324.264</b>	<b>876.881.597</b>	<b>33.813.634.715</b>	<b>36.973.024.793</b>	<b>6.282.464.421</b>	<b>1.082.411.832</b>

**14a. Thuế Giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

**14b. Thuế Thu nhập doanh nghiệp**

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% (hai mươi phần trăm) lợi nhuận thu được từ hoạt động kinh doanh theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 của Bộ tài chính, Công ty được hưởng ưu đãi thuế theo diện hoạt động trong Khu Công nghiệp được thành lập theo quy định của Chính Phủ, thời hạn được hưởng ưu đãi 10 năm (từ năm 2006).

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính



**15. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
- Trích trước hoa hồng	660.290.400	-
- Khác	238.854.636	53.699.000
	<b>899.145.036</b>	<b>53.699.000</b>

**16. Phải trả khác**

**16a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
<i>Phải trả ngắn hạn khác các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả ngắn hạn các đối tượng khác</i>	<b>10.984.720.666</b>	<b>11.012.070.284</b>
- Cổ tức còn phải chi trả	5.037.005.610	1.209.539.990
- Xưởng chế biến thực phẩm	3.996.998.360	7.880.421.258
- Các khoản phải trả khác	1.950.716.696	1.922.109.036
	<b>10.984.720.666</b>	<b>11.012.070.284</b>

**16b. Phải trả khác quá hạn**

Công ty không phát sinh phải trả khác quá hạn.

**17. Vay và nợ thuê tài chính**

*Vay ngắn hạn*

	<u>Cuối năm</u>		<u>Đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức khác</i>	105.963.000.000	105.963.000.000	105.917.187.060	105.917.187.060
<i>Vay của các Ngân hàng</i>	105.963.000.000	105.963.000.000	105.917.187.060	105.917.187.060
	<b>105.963.000.000</b>	<b>105.963.000.000</b>	<b>105.917.187.060</b>	<b>105.917.187.060</b>



Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex  
 Địa chỉ: Đường số 07, KCN Tỉnh Lộc, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh  
 Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Chi tiết các khoản vay như sau:**

STT	Tên ngân hàng	Tài sản đảm bảo	Thời hạn vay	Cuối năm		Đầu năm	
				USD	VND	USD	VND
1	Ngân hàng TNHH CTBC – Tp.HCM	Nợ phải thu, hàng hóa luân chuyển trong kho	Theo từng khế ước vay	600.000	13.524.000.000	-	-
2	Ngân hàng HSBC – Tp.HCM	Nợ phải thu, hàng hóa luân chuyển trong kho	Theo từng khế ước vay	700.000	15.771.000.000	100.000	10.000.000.000
3	Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	Hàng hóa luân chuyển trong kho	01 năm kể từ khi rút vốn	-	8.000.000.000	-	15.000.000.000
4	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Bắc Sài Gòn	Nợ phải thu, hàng hóa luân chuyển trong kho	Tối đa không quá 03 tháng	400.000	9.016.000.000	175.110	31.500.000.000
5	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – CN Bắc Sài Gòn	Vay tính chấp	03 tháng	-	45.400.000.000	100.000	2.124.600.000
6	Ngân hàng Citibank Việt Nam	Nợ phải thu, hàng hóa luân chuyển trong kho	Tối đa không quá 03 tháng	100.000	2.252.000.000	-	-
7	Các ngân hàng khác			-	-	600.000	22.447.600.000
<b>Cộng</b>				<b>1.800.000</b>	<b>105.963.000.000</b>	<b>975.110</b>	<b>105.917.187.060</b>

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính

Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex  
 Địa chỉ: Đường số 07, KCN Vĩnh Lộc, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh  
 Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		Đầu năm	Tăng từ lợi nhuận	Tăng khác	Chi quỹ trong năm	Cuối năm
Quỹ khen thưởng		(1.241.695.565)	8.007.887.383	147.130.000	(8.108.499.000)	(1.195.177.182)
Quỹ phúc lợi		(5.510.030.682)	-	-	-	(5.510.030.682)
<b>19. Vốn chủ sở hữu</b>		<b>(6.751.726.247)</b>	<b>8.007.887.383</b>	<b>147.130.000</b>	<b>(8.108.499.000)</b>	<b>(6.705.207.864)</b>
<b>19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu</b>						
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ Đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	81.000.000.000	38.500.000.000	31.618.347.097	6.645.311.398	27.542.961.765	185.306.620.260
Tăng trong năm trước	-	-	3.907.796.341	1.697.033.085	40.586.392.414	46.191.221.840
Giảm trong năm trước	-	-	-	-	(28.214.961.765)	(28.214.961.765)
Số dư cuối năm trước	81.000.000.000	38.500.000.000	35.526.143.438	8.342.344.483	39.914.392.414	203.282.880.335
Chuyển số dư theo Thông tư 200	-	-	8.342.344.483	(8.342.344.483)	-	-
Số dư đầu năm nay	81.000.000.000	38.500.000.000	43.868.487.921	-	39.914.392.414	203.282.880.335
Tăng trong năm	-	-	14.631.549.532	-	46.302.530.465	61.520.448.299
Giảm trong năm	-	-	-	-	(40.039.436.915)	(40.039.436.915)
Số dư cuối năm	81.000.000.000	38.500.000.000	58.500.037.453	-	46.086.585.964	224.086.623.417

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính





Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex  
 Địa chỉ: Đường số 07, KCN Vĩnh Lộc, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh  
 Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**19b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ	Cuối năm	Đầu năm
Cổ đông Nhà nước	40,72%	32.980.000.000	32.980.000.000
Cổ đông khác	59,28%	48.020.000.000	48.020.000.000
	<b>100,00%</b>	<b>81.000.000.000</b>	<b>81.000.000.000</b>

**Tình hình góp vốn điều lệ như sau:**

	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Vốn điều lệ đã góp	Vốn điều lệ còn phải góp
Cổ đông Nhà nước	32.980.000.000	32.980.000.000	-
Cổ đông khác	48.020.000.000	48.020.000.000	-
	<b>81.000.000.000</b>	<b>81.000.000.000</b>	<b>-</b>

**19c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu**

	Năm nay	Năm trước
<b>- Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
+ Vốn góp đầu năm	81.000.000.000	81.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	81.000.000.000	81.000.000.000

**19d. Cổ phiếu**

	Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.100.000	8.100.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.100.000	8.100.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>8.100.000</i>	<i>8.100.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.100.000	8.100.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>8.100.000</i>	<i>8.100.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

**19e. Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

**19f. Phân phối lợi nhuận**

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2015 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 4 năm 2015 như sau:

- Thù lao, chi phí hoạt động Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	690.000.000
- Chia cổ tức	16.200.000.000
- Thưởng Ban Điều hành	510.000.000
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	8.007.887.383
- Quỹ đầu tư phát triển	14.631.549.532
	<b>40.039.436.915</b>

**20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

<i>Ngoại tệ các loại</i>	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
Dollar Mỹ (USD)	1.475.237,35	423.860,59
	<b>1.475.237,35</b>	<b>423.860,59</b>

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (VNĐ)**

**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

**1a. Tổng doanh thu**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Doanh thu thành phẩm	1.228.729.341.951	978.221.053.423
- Doanh thu hàng hóa	98.645.803.972	86.874.522.705
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	37.797.356	43.152.993
	<b>1.327.412.943.279</b>	<b>1.065.138.729.121</b>

**1b. Các khoản giảm trừ**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Chiết khấu thương mại	58.388.954.686	47.349.438.592
- Hàng bán bị trả lại	495.312.938	358.568.473
	<b>58.884.267.624</b>	<b>47.708.007.065</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Giá vốn thành phẩm	853.465.623.856	693.222.381.647
- Giá vốn hàng hóa	94.883.765.028	86.391.336.928
	<b>948.349.388.884</b>	<b>779.613.718.575</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Lãi tiền gửi	269.535.549	726.386.905
- Chênh lệch tỷ giá	2.275.074.381	1.103.854.788
- Khác	-	8.700.000
	<b>2.544.609.930</b>	<b>1.838.941.693</b>

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính

12  
 ÔN  
 NHÌ  
 DẤN  
 UẤ  
 TP.

<b>4. Chi phí tài chính</b>		<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi vay ngân hàng		4.501.699.947	4.568.337.518
- Chênh lệch tỷ giá		2.560.456.118	1.152.388.185
- Dự phòng giảm giá chứng khoán		622.018.018	-
- Hoàn nhập giảm giá chứng khoán		-	(316.575.200)
		<b>7.684.174.083</b>	<b>5.404.150.503</b>
<b>5. Chi phí bán hàng</b>		<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí bán hàng nội địa		153.572.345.575	100.761.831.670
- Chi phí bán hàng xuất khẩu		18.744.072.546	16.374.367.282
- Chi phí lương nhân viên bán hàng		10.920.862.249	8.495.353.637
- Các khoản chi phí khác		3.037.134.482	9.273.603.576
		<b>186.274.414.852</b>	<b>134.905.156.165</b>
<b>6. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nhân viên quản lý		41.534.715.312	32.397.097.079
- Chi phí vật liệu quản lý		1.569.828.241	181.516.093
- Chi phí khấu hao tài sản cố định		1.984.799.619	2.376.569.666
- Thuế, phí và lệ phí		2.264.891.639	1.940.424.837
- Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi		58.432.039	76.391.463
- Chi phí dịch vụ mua ngoài		3.717.810.493	2.330.131.814
- Các chi phí khác		17.133.594.697	9.267.551.433
		<b>68.264.072.040</b>	<b>48.569.682.385</b>
<b>7. Thu nhập khác</b>		<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Thương doanh số, chiết khấu		683.587.487	524.432.948
- Thu nhập khác		775.520.355	639.702.032
		<b>1.459.107.842</b>	<b>1.164.134.980</b>
<b>8. Chi phí khác</b>		<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí phạt vi phạm hành chính		1.350.940.631	314.772.578
- Lỗi do thanh lý tài sản		543.667.427	713.942.432
- Chi phí khác		57.639.304	143.896.183
		<b>1.952.247.362</b>	<b>1.172.611.193</b>

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>60.008.096.206</b>	<b>50.768.479.908</b>
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.628.696.460	314.772.578
+ Chi phí phạt vi phạm hành chính	1.350.940.631	314.772.578
+ Chênh lệch tỷ giá đánh giá cuối năm	277.755.829	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	172.815.014
+ Chênh lệch tỷ giá đánh giá cuối năm	-	172.815.014
Thu nhập tính thuế	61.636.792.666	50.910.437.472
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2015	12.327.358.533	10.182.087.494
Thuế thu nhập doanh nghiệp bị truy thu	1.378.207.208	-
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>13.705.565.741</b>	<b>10.182.087.494</b>

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	46.302.530.465	40.586.392.414
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị ghi sổ của cổ phiếu ưu đãi với giá trị hợp lý của khoản thanh toán cho người sở hữu	-	-
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị hợp lý của khoản thanh toán cho người sở hữu với giá trị ghi sổ của cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị hợp lý của cổ phiếu phổ thông hoặc các khoản thanh toán khác thực hiện theo điều kiện chuyển đổi có lợi	-	-
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thù lao, chi phí hoạt động Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và thưởng Ban Điều hành (*)	(10.460.506.093)	(9.207.887.383)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	35.842.024.372	31.378.505.031
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	8.100.000	8.100.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)</b>	<b>4.425</b>	<b>3.874</b>

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính

(\*) Công ty tạm ước tính Quỹ khen thưởng, phúc lợi cần trích từ lợi nhuận sau thuế của năm 2015 theo tỷ lệ (20%) của Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2015 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 4 năm 2015; Thủ lao, chi phí hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và thường Ban Điều hành được ước tính bằng với số trích năm trước. Các khoản tạm ước tính này sẽ được điều chỉnh lại theo Nghị Quyết của Đại hội cổ đông.

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	8.100.000	8.100.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại trong năm	-	-
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)</b>	<b>8.100.000</b>	<b>8.100.000</b>

**11. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Không phát sinh các yếu tố tác động suy giảm.

**12. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	977.786.956.424	778.097.011.689
- Chi phí nhân công	123.418.638.717	111.830.885.338
- Chi phí công cụ, dụng cụ	4.663.724.455	3.285.037.044
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.426.500.027	10.497.456.060
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.075.071.933	19.682.578.626
- Chi phí khác	61.156.050.893	29.801.087.828
	<b>1.200.526.942.449</b>	<b>953.194.056.585</b>

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan:**

Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Tiền lương	2.034.279.470	2.498.727.148
- Tiền thưởng	-	-
	<b>2.034.279.470</b>	<b>2.498.727.148</b>

(\*) Các thành viên chủ chốt là các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Điều hành.

2. Báo cáo theo bộ phận

2a. Theo lĩnh vực kinh doanh

Chỉ tiêu	Hàng hóa, thành phẩm	Dịch vụ	Cộng
<b>Năm nay</b>			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.268.490.878.299	37.797.356	1.268.528.675.655
Giá vốn hàng bán	948.349.388.884	-	948.349.388.884
<b>Lãi gộp</b>	<b>320.141.489.415</b>	<b>37.797.356</b>	<b>320.179.286.771</b>
<b>Năm trước</b>			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.017.387.569.063	43.152.993	1.017.430.722.056
Giá vốn hàng bán	779.613.718.575	-	779.613.718.575
<b>Lãi gộp</b>	<b>237.773.850.488</b>	<b>43.152.993</b>	<b>237.817.003.481</b>

2b. Theo khu vực địa lý

Chỉ tiêu	Kinh doanh Xuất nhập khẩu	Kinh doanh nội địa	Cộng
<b>Năm nay</b>			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	396.888.261.291	871.640.414.364	1.268.528.675.655
Giá vốn hàng bán	304.774.771.758	643.574.617.126	948.349.388.884
<b>Lãi gộp</b>	<b>92.113.489.533</b>	<b>228.065.797.238</b>	<b>320.179.286.771</b>
<b>Năm trước</b>			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	307.601.868.702	709.828.853.354	1.017.430.722.056
Giá vốn hàng bán	235.702.177.555	543.911.541.020	779.613.718.575
<b>Lãi gộp</b>	<b>71.899.691.147</b>	<b>165.917.312.334</b>	<b>237.817.003.481</b>

3. Khả năng hoạt động liên tục

Không có những yếu tố nào đưa đến sự nghi ngờ về khả năng hoạt động kinh doanh liên tục của Công ty.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Theo ý kiến của Hội đồng quản trị, Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc năm tài chính cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

VIII. MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT THỰC TRẠNG TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA CÔNG TY

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm nay	Năm trước
<b>1. Bố trí cơ cấu tài sản và nguồn vốn</b>			
<b>1.1. Bố trí cơ cấu tài sản</b>			
- Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	%	67,41	63,16
- Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	%	32,59	36,84
<b>1.2. Bố trí cơ cấu nguồn vốn</b>			
- Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	52,09	49,55
- Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	47,91	50,45
<b>2. Khả năng thanh toán</b>			
2.1. Khả năng thanh toán ngắn hạn	Lần	1,29	1,27
2.2. Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,69	0,66
2.3. Khả năng thanh toán tức thời	Lần	0,20	0,24
<b>3. Tỷ suất sinh lời</b>			
- Tỷ suất lợi nhuận gộp trên doanh thu thuần	%	25,24	23,37
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	3,65	3,99
- Doanh thu thuần trên tổng tài sản	%	291,39	278,22
- Tỷ suất sinh lời trên tài sản	%	10,64	11,10
- Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu	%	21,67	20,89
<b>4. Hệ số đo lường hiệu quả hoạt động</b>			
- Vòng quay tài sản	Vòng	2,91	2,78
- Vòng quay các khoản phải thu	Vòng	12,92	14,80
- Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	7,03	6,84
- Vòng quay vốn lưu động	Vòng	20,06	20,69

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2016.

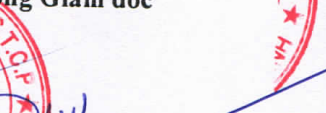
Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc







Huỳnh Minh Đức

NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC

DƯƠNG VĂN HÙNG

